

ĐỀ ÁN

**Thành lập Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long
trên cơ sở hợp nhất Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh Bến Tre, Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh Trà Vinh và Sở Tư pháp thuộc
Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long**

Phần thứ nhất

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC SỞ TƯ PHÁP
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE, TỈNH VĨNH LONG,
TỈNH TRÀ VINH TRƯỚC KHI HỢP NHẤT**

**A. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC SỞ TƯ
PHÁP TRƯỚC KHI HỢP NHẤT**

I. SỞ TƯ PHÁP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

1. Thông tin chung

a) Tên gọi: Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre.

- Tên giao dịch quốc tế bằng Tiếng Anh (nếu có): Không có

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

b) Địa chỉ trụ sở chính: số 17, đường Cách mạng tháng Tám, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Số điện thoại: 02753 827364

- Website: <https://stp.bentre.gov.vn>

- Email: stp@bentre.gov.vn

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre được thành lập theo Quyết định số 336/UB-QĐ ngày 15 tháng 6 năm 1977 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban pháp chế tỉnh Bến Tre chịu sự lãnh đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự lãnh đạo về nghiệp vụ của Ủy ban pháp chế của Hội đồng Chính phủ.

Tháng 01 năm 1981, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra Thông báo số 123/UB-TB về việc chuyển hệ thống pháp chế từ tỉnh đến cơ sở thành hệ thống

Tư pháp. Từ đó, Ban pháp chế tỉnh đổi tên thành Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, có nhiệm vụ giúp UBND tỉnh thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

d) Chức năng, nhiệm vụ:

Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; theo dõi việc thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; nuôi con nuôi; luật sư, tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý; công chứng, chứng thực; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; thừa phát lại; đăng ký biện pháp bảo đảm; bồi thường nhà nước; pháp chế; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Sở Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

2. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

b) Các Tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở:

- Văn phòng;
- Thanh tra;
- Phòng Nghiệp vụ 1;
- Phòng Nghiệp vụ 2.

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre;
- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

Số TT	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện			Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp					
			Tổng CC/VC có mặt đến ngày 30/4/2025	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng	Công chức/viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
I. Lãnh đạo Sở		3	3				1	2			
1	Giám đốc	1	1				1				
2	Phó Giám đốc	2	2					2			
II. Các Tổ chức tham mưu, chuyên môn, nghiệp vụ		27	25	4	5	16		9	16		
1	Văn phòng	5	5	1	1	3		3	2		
2	Thanh tra	5	3	1	1	1		2	1		
3	Phòng Nghiệp vụ 1	8	8	1	1	6		2	6		
4	Phòng Nghiệp vụ 2	9	9	1	2	6		2	7		
III. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở		29	26	2	3	21		1	25		
1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	24	23	1	2	20			23		
2	Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản	10	3	1	1	1		1	2		

4. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

a) Kinh phí, tài chính

- Kinh phí hoạt động của Sở Tư pháp do ngân sách nhà nước cấp, được phân bổ hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Dự toán chi NSNN năm 2025 của Sở Tư pháp với tổng số tiền là: 17.837.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu đồng), cụ thể như sau:

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	Dự toán giao đầu năm (VNĐ)
12	341	00000	10.327.000.000
12	082	00000	350.000.000
12	085	00000	229.000.000
12	341	20498	656.000.000
12	341	20502	11.000.000
13	341	00000	6.264.000.000
Cộng:			17.837.000.000

- Kinh phí hoạt động của ĐVSNCL trực thuộc Sở thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre: kinh phí hoạt động được phân bổ cho đơn vị là: 6.155.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

b) Tài sản

- Xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu MITSUBISHI XPANDER AT, biển kiểm soát 71A-005.27, nguyên giá: 730.415.000 đồng, giá trị còn lại: 535.540.278 đồng.

- Đối với những loại tài sản, công cụ dụng cụ khác kiểm tra, rà soát theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

c) Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc

- Phần mềm đang sử dụng

- + Phần mềm kế toán IMAS, nguyên giá: 0đ (được cấp), năm đưa vào sử dụng: 2017, giá trị còn lại: 0đ (chi phí bảo trì hàng năm 2.700.000đ/ năm).

- + Phần mềm thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật, nguyên giá: 20.000.000đ, năm đưa vào sử dụng: 2023, giá trị còn lại: 12.000.000đ (chi phí bảo trì hàng năm 5.959.760đ/ năm).

- + Công thông tin điện tử Phổ biến giáo dục pháp luật, nguyên giá: 49.380.000đ, năm đưa vào sử dụng: 2020, giá trị còn lại: 0đ.

- + Phần mềm quản lý hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch; nguyên giá: 920.000.000đ, năm đưa vào sử dụng: 2023, giá trị còn lại: 552.000.000đ.

- + Phần mềm Hiệu chỉnh, phát triển mới chức năng và triển khai phân hệ quản lý thông tin hồ sơ ngăn chặn và phân hệ quản lý hợp đồng công chứng, nguyên giá: 79.127.000 đ, năm đưa vào sử dụng: 2017, giá trị còn lại: 0đ.

- Trang thiết bị, phương tiện làm việc của Sở được trang bị theo quy định để đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Đất đai

Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre hiện có 02 trụ sở, cụ thể:

- Trụ sở làm việc của Sở Tư pháp tại số 17, đường Cách mạng tháng Tám, Phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Trụ sở làm việc của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, gồm:

+ Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre: Số 15, đường Thủ Khoa Huân, Phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

+ Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản: Số 15, đường Thủ Khoa Huân, Phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

II. SỞ TƯ PHÁP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

1. Thông tin chung

a) Tên gọi: Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): Không có

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

b) Địa chỉ trụ sở chính: số 4 đường Lê Thánh Tôn, khóm 12, phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Số điện thoại: 0294 386 2972

- Website: <https://stp.travinh.gov.vn>

- Email: stp@travinh.gov.vn

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh được thành lập theo Quyết định số 177/QĐ.UBT ngày 05 tháng 6 năm 1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

d) Chức năng, nhiệm vụ:

Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; theo dõi việc thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; nuôi con nuôi; luật sư, tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý; công chứng, chứng thực; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; thừa phát lại; đăng ký biện pháp bảo đảm; bồi thường nhà nước; pháp chế; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Sở Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

2. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

b) Các Tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở:

- Văn phòng;

- Thanh tra;

- Phòng Văn bản, phổ biến và Theo dõi thi hành pháp luật;

- Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp.

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước.

3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

Số TT	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện				Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp				
			Tổng CC/VC có mặt đến ngày 30/4/2025	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng	Công chức/viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
I. Lãnh đạo Sở		3	2				1	1			
1	Giám đốc	1	1				1				
2	Phó Giám đốc	2	1					1			
II. Các Tổ chức tham mưu, chuyên môn, nghiệp vụ		23	23	4	4	15		7	16		
1	Văn phòng	6	6	1	1	4		3	3		
2	Thanh tra	4	4	1	1	2		1	3		
3	Phòng Văn bản, Phổ biến và Theo dõi thi hành pháp luật	6	6	1	1	4		2	4		
4	Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp	7	7	1	1	5		1	6		
III. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở		18	18	1	2	15		1	16	1	
1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	18	18	1	2	15		1	16	1	

4. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

a) Kinh phí, tài chính

- Kinh phí hoạt động của Sở Tư pháp do ngân sách nhà nước cấp, được phân bổ hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Dự toán chi NSNN năm 2025 của Sở Tư pháp với tổng số tiền là: 13.559.010.601đ (Bằng chữ: Mười ba tỷ năm trăm năm mươi chín triệu không trăm mười ngàn sáu trăm lẻ một đồng), cụ thể như sau:

+ Kinh phí giao tự chủ: 5.199.968.063đ

+ Kinh phí không giao tự chủ: 8.359.042.538đ

- Kinh phí hoạt động của ĐVSNCL trực thuộc Sở thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: Dự toán chi NSNN năm 2025 được phân bổ với tổng số tiền là: 6.024.773.000.000đ (Bằng chữ: Sáu tỷ không trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn đồng), cụ thể như sau:

Ngân sách địa phương: 5.766.773.000đ

Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 3.150.392.000đ

Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 2.577.381.000đ (Trong đó: kinh phí giao nhiệm vụ: 2.287.000.000đ)

Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 39.000.000đ (Thực hiện nhiệm vụ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 theo NQ số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Trà Vinh)

Ngân sách Trung ương: 258.000.000đ

Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên: 258.000.000đ (Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 theo Quyết định số 778/QĐ-TTg ngày 16/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ (Dự án 10, tiểu dự án 1)(Mã CTMTQG: 0521)

b) Tài sản

- Xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu, biển kiểm soát KIA-RONDO, nguyên giá: 785.400.000đ, giá trị còn lại: 43.362.162đ

- Đối với những loại tài sản, công cụ dụng cụ khác kiểm tra, rà soát theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

c) Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc

- Phần mềm đang sử dụng:

* Sở Tư pháp:

+ Phần mềm quản lý tài sản misa, nguyên giá: 8.900.000đ, năm đưa vào sử dụng: 2016, giá trị còn lại: 0đ (chi phí bảo trì hàng năm 3.000.000đ/ năm).

+ Phần mềm kế toán Misa Online, nguyên giá: 9.000.000đ, năm đưa vào sử dụng: 2009, giá trị còn lại: 0đ (chi phí bảo trì hàng năm 6.000.000đ/ năm).

+ Phần mềm kế toán misa X1(tổng hợp). Nguyên giá: 20.000.000đ, năm đưa vào sử dụng: 2020, giá trị còn lại: 0đ.

+ Phần mềm thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật, nguyên giá: 82.300.000đ, năm đưa vào sử dụng: 2021, giá trị còn lại: 16.460.000đ.

+ Phần mềm trang thông tin điện tử PBGDPL, nguyên giá: 319.500.000đ, năm đưa vào sử dụng: 2021, giá trị còn lại: 63.900.000đ.

+ Phần mềm cơ sở dữ liệu chứng thực, công chứng, nguyên giá: 4.226.791.000đ, năm đưa vào sử dụng: 2021, giá trị còn lại: 845.358.200đ (hàng năm phát sinh chi phí thuê bao đường truyền internet tốc độ cao vận hành phần mềm chứng thực, công chứng hàng năm, số tiền: 17.600.000đ).

+ Phần mềm cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, nguyên giá: 3.794.467.963đ, năm đưa vào sử dụng: 2023, giá trị còn lại: 2.276.680.778đ.

* Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước:

+ Phần mềm kế toán Misa, nguyên giá: 13.500.000đ , năm đưa vào sử dụng 2012, giá trị còn lại: 0đ

- Trang thiết bị, phương tiện làm việc của Sở được trang bị theo quy định để đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Đất đai

Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh hiện có 02 trụ sở, cụ thể:

- Trụ sở làm việc của Sở Tư pháp tại số 04, Lê Thánh Tôn, Phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Trụ sở làm việc của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, gồm:

+ Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: Số 04, Lê Thánh Tôn, Phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

III. SỞ TƯ PHÁP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

1. Thông tin chung

a) Tên gọi: Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): Không có

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

b) Địa chỉ trụ sở chính: số 88D đường Võ Văn Kiệt, khóm 3, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

- Số điện thoại: 0270 3823248

- Website: <https://stp.vinhlong.gov.vn>

- Email: stuphap@vinhlong.gov.vn

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Quyết định số 45/QĐ.UBT ngày 09 tháng 5 năm 1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thành lập Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long.

d) Chức năng, nhiệm vụ:

Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, có chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; pháp chế; chứng thực; nuôi con nuôi; hộ tịch; quốc tịch; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư, tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; thừa phát lại; quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; đăng ký biện pháp bảo đảm; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; công tác tư pháp khác và các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định pháp luật.

Sở Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

2. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

b) Các Tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở:

- Văn phòng;

- Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật;

- Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp.

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở

- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước;

- Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản;

- Phòng Công chứng số 2

3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

Số TT	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện			Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp					
			Tổng CC/VC có mặt đến ngày 30/4/2025	Trưởng phòng và tương đương	Phó trưởng phòng và tương đương	Công chức/viên chức	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
I. Lãnh đạo Sở		4	3				2	1			
1	Giám đốc	1	1				1				
2	Phó Giám đốc	3	2				1	1			
II. Các Tổ chức tham mưu, chuyên môn, nghiệp vụ		29	26	3	4	19		14	12		
1	Văn phòng	12	10	1	2	7		5	5		
2	Phòng Xây dựng, Kiểm tra và Theo dõi thi hành pháp luật	11	10	1	2	7		6	4		
3	Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp	6	6	1	0	5		3	3		
III. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở		35	24	1	4	19		2	22		
1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	15	13	-	2	11			13		
2	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	15	7	1	1	5		2	5		
3	Phòng Công chứng số 2	5	4	-	1	3			4		

4. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

a) Kinh phí, tài chính

- Kinh phí hoạt động của Sở Tư pháp do ngân sách nhà nước cấp, được phân bổ hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản

hướng dẫn thi hành. Dự toán chi NSNN năm 2025 của Sở Tư pháp cụ thể như sau;

+ Kinh phí chi thường xuyên: tổng dự toán chi năm 2025 là 24.505.395.568 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, năm trăm năm linh năm triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó:

Kinh phí thực hiện tự chủ: 8.202.562.568 đồng (trong đó năm 2024 chuyển sang là 500.562.568 đồng).

Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 16.302.833.000 đồng (trong đó năm 2024 chuyển sang là 5.067.477.000 đồng).

+ Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao: 24.872.672 đồng (trong đó năm 2024 chuyển sang là 14.872.672 đồng).

- Kinh phí hoạt động của ĐVSNCL trực thuộc Sở thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành:

+ Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước: 3.695.644.000 đồng:

Kinh phí thường xuyên tự chủ: 2.260.000.000 đồng;

Kinh phí thường xuyên không tự chủ: 1.435.644.000 đồng)

+ Hai ĐVSNCL nhóm 1 và 2 tự chủ về tài chính, không sử dụng NSNN.

b) Tài sản

- Xe ô tô 4 chỗ, nhãn hiệu TOYOTA Attis, biển kiểm soát 64A - 002.67 nguyên giá: 789.878.517 đồng, giá trị còn lại: 249.996.551 đồng .

- Xe ô tô 7 chỗ, nhãn hiệu MADZA CX-8, biển kiểm soát 64A - 005.26 nguyên giá 1.009.627.680 đồng, giá trị còn lại: 1.009.627.680 đồng.

- Đối với những loại tài sản, công cụ dụng cụ khác kiểm tra, rà soát theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

c) Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc

- Phần mềm đang sử dụng:

+ Phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp Misa MIMOSA online (cập nhật hàng năm, phí 10.000.000 đồng/năm).

+ Phần mềm: Tích hợp nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu công chứng và đầu tư mới phần mềm lập vi bằng: nguyên giá = giá trị còn lại: 2.823.556.658 đồng.

Trang thiết bị, phương tiện làm việc khác của Sở được trang bị theo quy định để đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Đất đai

Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long hiện có 04 trụ sở, cụ thể:

- Trụ sở làm việc của Sở Tư pháp tại số 88D Võ Văn Kiệt, Phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (tầng 9 và 10 trong Trung tâm hành chính tỉnh).

- Trụ sở làm việc của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, gồm:

+ Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước: 162A/10 đường Nguyễn Huệ, Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

+ Phòng Công chứng số 2: đường Nguyễn Văn Thành, khóm 2, phường Cái Vồn, Thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

+ Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản: Số 06 đường 30/4 Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

Việc thành lập Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở tinh sáp nhập tỉnh thành tỉnh mới góp phần quan trọng tạo ra những thay đổi tích cực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, tiết kiệm chi ngân sách; nâng cao chất lượng và trách nhiệm công vụ của đội ngũ công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thực hiện các thủ tục dịch vụ công trực tuyến toàn phần trên môi trường mạng theo quy định.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Đội ngũ công chức, viên chức và người lao động của Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh phải thay đổi địa bàn công tác, việc đi lại khó khăn, ít nhiều có ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình.

**Phần thứ hai
PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP**

A. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết

Từ khi thành lập và đi vào hoạt động đến nay, Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Trà Vinh không ngừng kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế để đáp ứng với chức năng, nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao. Những kết quả đạt được qua hoạt động của Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Trà Vinh đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương nói chung và của ngành Tư pháp nói riêng.

Tiếp tục thực hiện chủ trương, định hướng, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy, Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh để tạo đột phá, động lực cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, trong đó có tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Do đó, trên cơ sở thống nhất của Sở Tư pháp tỉnh các tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, việc xây dựng Đề án thành lập Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp và rất cần thiết trong tình hình mới hiện nay. Một mặt, vừa đáp ứng chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật, mặt khác cũng rất cần thiết trong quá trình bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

II. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW);

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW);

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kết luận số 130-KL/TW ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

- Kế hoạch số 47-KH/BCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp.

- Kết luận số 3370-TB/TU ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tỉnh ủy Vĩnh Long về việc kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 19/6/2025.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

- Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;

- Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

- Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;
- Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý;
- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp;
- Thông tư số 07/2022/TT-BTP ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tư pháp;
- Quyết định 758/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;
- Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
- Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngành Tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Công văn số 1866/BTP-PLSHC ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;
- Công văn số 4019-CV/TU ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện, sắp xếp sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp;
- Công văn số 4030-CV/TU ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long về tham mưu xây dựng Đề án hợp nhất các cơ quan, đơn vị, sở ngành.
- Công văn số 003/CV-BCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa

phương 02 cấp về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp;

- Công văn số 3395/BTP-TCCB ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp ở địa phương khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

III. Nguyên tắc thành lập

1. Thành lập Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất nguyên hiện trạng vào thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long thực hiện theo chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước; đúng tiến độ và các quy định có liên quan. Đảm bảo hoạt động thông suốt, không gián đoạn.

2. Việc sắp xếp, bố trí công chức, viên chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý sau khi sắp xếp, phải được thực hiện theo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 003/CV-BCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp của Chính phủ, về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp, sẽ sắp xếp các trường hợp còn lại, cụ thể như sau:

2.1. Số lượng công chức, viên chức quản lý của Sở Tư pháp mới sau khi sắp xếp: Tối đa không vượt quá tổng số công chức, viên chức quản lý có mặt tại các Sở Tư pháp trước khi sắp xếp và thực hiện bố trí theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Đối với trường hợp đang giữ chức danh người đứng đầu các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở. Căn cứ điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, viên chức sẽ xem xét, quyết định lựa chọn người đứng đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị mới sau khi sáp nhập. Đối với người đang giữ chức danh đứng đầu, nhưng không bố trí tiếp tục làm người đứng đầu sau sắp xếp, thì bố trí ở cấp dưới liền kề hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc Sở và được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy.

2.3. Đối với trường hợp đang giữ chức danh cấp phó của người đứng đầu, sẽ xem xét, quyết định bố trí làm cấp phó của người đứng đầu đơn vị sau sắp xếp hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, đơn vị khác thuộc Sở theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức.

2.4. Trước mắt, số lượng cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở mới sau sắp xếp có thể cao hơn quy định và giảm dần theo lộ trình bảo đảm thực hiện quy định của Chính phủ.

2.5 Giữ nguyên số lượng công chức, viên chức, người lao động hiện có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để sắp xếp, bố trí công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Sở. Sau đó, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo quy định.

3. Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long mới sau sắp xếp, có trách nhiệm chủ động cân đối, bố trí ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của đơn vị hành chính sau sắp xếp; phối hợp với Sở Tài chính sắp xếp, bố trí nhà công vụ, phương tiện phục vụ công tác và nhu cầu đi lại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để ổn định điều kiện làm việc tại cơ quan, đơn vị mới sau sắp xếp.

4. Quá trình tổ chức thực hiện sắp xếp, bố trí công chức, viên chức và người lao động phải đảm bảo khách quan, dân chủ công tâm, không làm ảnh hưởng đến hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động để công chức lãnh đạo quản lý cấp phòng hiểu rõ trách nhiệm và tự nguyện chấp hành phương án phân công, sắp xếp. Đồng thời, làm tốt công tác chính trị, tư tưởng trong quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy.

B. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP

I. Mục tiêu, phạm vi, đối tượng quản lý

1. Mục tiêu

- Thực hiện chủ trương, định hướng, nhiệm vụ của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp, sáp nhập tỉnh với tinh đề hình thành tỉnh mới và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo định hướng sắp xếp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đảm bảo tính cấp bách, kịp thời, liên thông trong quá trình sắp xếp các cơ quan chuyên môn ở địa phương được thống nhất, đồng bộ; đồng thời tạo đột phá,

động lực cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, trong đó có tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long và Trà Vinh.

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long mới tiếp tục tiên phong, chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở tinh gọn, giảm đầu mối, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, khắc phục tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ là cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực tư pháp, góp phần xây dựng tỉnh Vĩnh Long chuyên nghiệp, hiện đại, phát triển, vững mạnh, công bằng, công khai, dân chủ từ tỉnh đến cơ sở; thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ và cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

- Thực hiện đồng bộ tinh gọn tổ chức bộ máy Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long mới gắn với cơ cấu lại và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, có biên chế hợp lý.

Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ đúng thực chất, vì việc mà bố trí người, trên cơ sở sản phẩm cụ thể đo đếm được. Sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín; có chính sách thu hút, sử dụng đối với những người có năng lực nổi trội.

2. Phạm vi quản lý

- Phạm vi không gian: Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long.
- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu và hoàn thành Đề án theo đúng thời gian quy định. Đảm bảo đưa vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Đối tượng quản lý

- Tất cả tổ chức, đơn vị, bộ phận thuộc, trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long.
- Tất cả công chức, viên chức và người lao động của các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long.
- Cơ sở vật chất của tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long.

II. Tên gọi, Loại hình, Trụ sở làm việc

1. Tên gọi: Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Vinh Long Department of Justice.
- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

2. Loại hình: Cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

3. Trụ sở làm việc:

- Trụ sở chính: số 88D đường Võ Văn Kiệt, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long.

- Số điện thoại: 0270 3823248

- Website: <https://stp.vinhlong.gov.vn>

- Email: stuphap@vinhlong.gov.vn

III. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

1. Vị trí, chức năng

- Sở Tư pháp (sau đây gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

- Sở Tư pháp thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: xây dựng pháp luật; tổ chức thi hành pháp luật; hành chính tư pháp; hỗ trợ tư pháp; công tác pháp chế và công tác tư pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

2.1. Về xây dựng pháp luật

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a1) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

a2) Dự thảo kế hoạch phát triển, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực tư pháp tại địa phương;

a3) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp; dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp theo quy định pháp luật; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác;

a4) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

b1) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b2) Dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản khác về công tác tư pháp thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác xây dựng pháp luật tại địa phương theo quy định pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ sau:

c1) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

c2) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

c3) Tham gia xây dựng, có ý kiến đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c4) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương;

c5) Định kỳ hàng quý, năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của chính quyền địa phương.

2.2. Về tổ chức thi hành pháp luật

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra về công tác: theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương theo quy định pháp luật.

b) Tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thực hiện các văn bản, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án trong lĩnh vực tư pháp đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

c) Về theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

c1) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo, cung cấp thông tin về tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương;

c2) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, xây dựng kế hoạch, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương và tổ chức thực hiện kế hoạch;

c3) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý kịp thời xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả trong báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật hàng năm gửi Bộ Tư pháp;

c4) Theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tư pháp tại địa phương.

d) Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

d1) Thực hiện tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị trực tiếp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra theo thẩm quyền đối với các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) ban hành, trừ nội dung văn bản thuộc bí mật nhà nước, thuộc ngành, lĩnh vực do các cơ quan khác phụ trách; là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc tự kiểm tra văn bản tại địa phương; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d2) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã; văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đối với văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương cấp xã ban hành; văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính

khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc tương đương) ban hành; kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền;

d3) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, chỉ đạo công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương; làm đầu mối xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định pháp luật;

d4) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, văn bản khác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và kiểm tra kết quả cập nhật văn bản theo quy định pháp luật; tổng hợp, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực;

d5) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định pháp luật;

đ) Về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật;

đ1) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tổ chức thực hiện sau khi các chương trình, kế hoạch, đề án được ban hành;

đ2) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp;

đ3) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh tại địa phương; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý, tập huấn, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tại địa phương; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên tại địa phương theo quy định pháp luật;

đ4) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ về đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định pháp luật;

đ5) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, việc

triển khai Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương, việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật ở cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác theo quy định pháp luật.

2.3. Về hành chính tư pháp

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra về công tác: hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi; đăng ký biện pháp bảo đảm; bồi thường nhà nước tại địa phương theo quy định pháp luật.

b) Về hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi

b1) Khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch theo quy định pháp luật;

b2) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, Sổ đăng ký nuôi con nuôi, biểu mẫu hộ tịch, biểu mẫu nuôi con nuôi; lưu trữ Sổ hộ tịch, Sổ đăng ký nuôi con nuôi, hồ sơ đăng ký hộ tịch, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi theo quy định pháp luật;

b3) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch, nội dung đăng ký hộ tịch do cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch cấp, đăng ký trái quy định pháp luật (trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật);

b4) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các việc về nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; giải quyết các việc về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b5) Thực hiện các nhiệm vụ để giải quyết hồ sơ xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam, cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam; quản lý và lưu giữ hồ sơ, sổ sách về quốc tịch theo quy định pháp luật;

b6) Thực hiện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các đề nghị xóa dữ liệu hộ tịch điện tử hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã; cho phép khôi phục lại dữ liệu hộ tịch điện tử trước khi điều chỉnh, xóa bỏ nếu có văn bản, quyết định có hiệu lực pháp luật cho phép khôi phục lại trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.

c) Về đăng ký biện pháp bảo đảm

c1) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức thi hành pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm;

c2) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra công tác đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh theo quy định pháp luật;

c3) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo Bộ Tư pháp và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

d) Về bồi thường nhà nước

d1) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường tại địa phương; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án;

d2) Đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định pháp luật; tham gia vào việc xác minh thiệt hại khi được cơ quan giải quyết bồi thường đề nghị; tham gia thương lượng việc bồi thường tại địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d3) Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường; kiến nghị thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ xem xét lại quyết định hoàn trả, giảm mức hoàn trả theo quy định pháp luật; yêu cầu thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường theo quy định pháp luật.

2.4. Về bổ trợ tư pháp

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, công chứng, chứng thực, giám định tư pháp, đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, hòa giải thương mại, quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương theo quy định pháp luật.

b) Về luật sư và tư vấn pháp luật

b1) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật tại địa phương;

b2) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, Trung tâm tư vấn pháp luật; cấp, cấp lại hoặc thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật;

b3) Cung cấp thông tin về việc cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài cho cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định pháp luật; đề nghị Đoàn Luật sư cung cấp thông tin về tổ chức và hoạt động của luật sư, yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư báo cáo về tổ chức và hoạt động khi cần thiết;

b4) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân; lập danh sách, theo dõi luật sư đăng ký hành nghề tại địa phương;

b5) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư; công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài.

c) Về trợ giúp pháp lý

c1) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c2) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, bổ nhiệm, cấp và cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành, miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý;

c3) Cấp, cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành, thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý; cấp, thay đổi nội dung, cấp lại và thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định pháp luật;

c4) Công bố, cập nhật danh sách các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp; quản lý, bảo mật dữ liệu trên hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý trong phạm vi thẩm quyền;

c5) Lựa chọn, ký kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý; thanh toán thù lao và

chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý cho tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý;

c6) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định, đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định pháp luật.

d) Về công chứng và chứng thực

d1) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án quản lý, phát triển các tổ chức hành nghề công chứng; ban hành giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng tại địa phương; điều chỉnh danh mục địa bàn 8 được thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân, việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch cho tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương theo quy định pháp luật;

d2) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề án thành lập, chuyển đổi, giải thể Phòng công chứng; tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng; trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập, thu hồi quyết định cho phép thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng; xem xét, quyết định cho phép việc bán Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân theo quy định pháp luật;

d3) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, nâng cấp Cơ sở dữ liệu và ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ Cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương; có ý kiến bằng văn bản đối với trường hợp lưu trữ hồ sơ công chứng ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng;

d4) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên; công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài theo quy định pháp luật;

d5) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Trưởng phòng công chứng theo quy định của pháp luật; cấp, cấp lại, thu hồi thẻ công chứng viên; quyết định tạm đình chỉ hành nghề công chứng, chấm dứt việc tạm ngừng hoạt động của Văn phòng công chứng; quản lý tập sự hành nghề công chứng theo quy định pháp luật; phối hợp với các cơ quan liên quan để theo dõi, kiểm tra, rà soát đội ngũ công chứng viên tại địa phương và các công chứng viên mà Sở Tư pháp đề nghị bổ nhiệm để kịp thời phát hiện những công chứng viên thuộc trường hợp bị miễn nhiệm theo quy định pháp luật; thường xuyên thống kê, cập nhật danh sách công chứng viên đương nhiên miễn nhiệm vào phần mềm quản lý hoạt động công chứng của Bộ

Tư pháp, đồng thời đăng tải danh sách này trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

d6) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; ra quyết định tạm ngừng hoạt động, quyết định chấm dứt việc tạm ngừng hoạt động của Văn phòng công chứng; ghi nhận thay đổi danh sách công chứng viên là thành viên hợp danh và danh sách công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng của Văn phòng công chứng; ghi nhận nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo quy định pháp luật;

d7) Chỉ định một Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng đủ điều kiện tiếp nhận hồ sơ công chứng khi tổ chức hành nghề công chứng bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định pháp luật; chỉ định một tổ chức hành nghề công chứng tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng công chứng tạm ngừng hoạt động khi có yêu cầu sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hủy bỏ giao dịch, cấp bản sao văn bản công chứng, công chứng hợp đồng thế chấp theo quy định pháp luật; chủ trì, phối hợp với Hội Công chứng viên và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bàn giao hồ sơ công chứng;

d8) Cử đại diện chứng kiến việc kê biên, khám xét trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng theo quy định pháp luật;

d9) Phê duyệt danh sách cộng tác viên dịch thuật theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác về công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Về giám định tư pháp

đ1) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép và thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp; chuyển đổi loại hình hoạt động, thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp;

đ2) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng giám định tư pháp; phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp tại địa phương;

đ3) Đánh giá về tổ chức, chất lượng hoạt động giám định tư pháp tại địa phương; đề xuất các giải pháp bảo đảm số lượng, chất lượng của đội ngũ người giám định tư pháp theo yêu cầu của hoạt động tổ tụng tại địa phương;

đ4) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; công nhận, quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc tại địa phương; tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp tại địa phương.

e) Về đấu giá tài sản

e1) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá;

e2) Cấp, cấp lại, thu hồi, thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp đấu giá tài sản, chi nhánh của doanh nghiệp đấu giá tài sản;

e3) Tổ chức thẩm định, phê duyệt trang thông tin đấu giá trực tuyến theo quy định pháp luật; lập và đăng tải thông tin về tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo quy định pháp luật.

g) Về hòa giải thương mại và trọng tài thương mại

g1) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp, cấp lại, chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm hoà giải thương mại, thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm hoà giải thương mại, chấp thuận việc thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện Tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài theo quy định pháp luật;

g2) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam theo quy định pháp luật; phê chuẩn Điều lệ của Trung tâm trọng tài;

g3) Cấp, cấp lại, đăng ký thay đổi nội dung, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Chi nhánh của Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam, Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam theo quy định pháp luật;

g4) Đăng ký, lập và xóa tên hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp; cập nhật, công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc, Tổ chức hòa giải thương mại trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

g5) Cập nhật thông tin về Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động, việc lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định pháp luật.

h) Về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

h1) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề quản tài viên;

h2) Đăng ký hành nghề, công bố danh sách quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương;

h3) Tạm đình chỉ, gia hạn, hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; xóa tên quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản khỏi danh sách quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;

h4) Rà soát, phát hiện các trường hợp thuộc diện thu hồi Chứng chỉ hành nghề quản tài viên tại địa phương và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Chứng chỉ hành nghề quản tài viên theo quy định pháp luật.

i) Kiểm tra, xử lý vi phạm về tổ chức và hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp theo quy định pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.5. Về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính và thừa phát lại

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính theo quy định pháp luật và quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự địa phương do Bộ Tư pháp ban hành.

b) Về thừa phát lại

b1) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Thừa phát lại và công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài; xác minh thông tin trong hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm Thừa phát lại;

đăng ký hành nghề, cấp, cấp lại và thu hồi Thẻ Thừa phát lại; quyết định tạm đình chỉ hành nghề Thừa phát lại; lập danh sách Thừa phát lại hành nghề tại địa phương và cấp Thẻ Thừa phát lại theo quy định pháp luật;

b2) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành xây dựng Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại tại địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và thực hiện thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập, chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng, chấm dứt hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại;

b3) Cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại; quyết định tạm ngừng hoạt động Văn phòng Thừa phát lại; quản lý về tập sự hành nghề Thừa phát lại tại địa phương theo quy định pháp luật;

b4) Xây dựng Cơ sở dữ liệu về vi bằng, thực hiện đăng ký và quản lý Cơ sở dữ liệu về vi bằng theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp;

b5) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động thừa phát lại theo quy định pháp luật.

2.6. Về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

c) Giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương, thống kê, xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

2.7. Về quản lý công tác pháp chế

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công tác pháp chế tại địa phương theo quy định pháp luật.

b) Kiểm tra công tác pháp chế của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế đối với tổ chức pháp chế của các doanh nghiệp nhà nước tại địa phương.

2.8. Về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; làm đầu mối tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án được ban hành.

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý và sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật tại địa phương theo quy định pháp luật.

c) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương theo quy định pháp luật.

2.9. Nhiệm vụ, quyền hạn khác

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp tại địa phương; thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và công tác tư pháp theo quy định pháp luật.

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tư pháp, pháp luật đối với công chức, viên chức, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan theo quy định pháp luật.

c) Kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định pháp luật.

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định pháp luật.

đ) Hướng dẫn, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp xã và các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định pháp luật.

e) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

g) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp; quản lý tổ chức bộ máy, biên

chế công chức, ngạch công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật.

h) Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định pháp luật.

i) Thực hiện công tác thông tin, thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp và theo quy định pháp luật.

k) Quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định pháp luật.

m) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức

3.1. Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 04 Phó Giám đốc (Lộ trình đến năm 2030 thực hiện đảm bảo số lượng cấp Phó theo quy định)

a) Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở:

a) Văn phòng;

b) Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;

c) Phòng Hành chính và Bổ trợ tư pháp;

d) Phòng Phổ biến và Theo dõi thi hành pháp luật.

3.3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

- a) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 tỉnh Vĩnh Long;
- b) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 2 tỉnh Vĩnh Long;
- c) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 3 tỉnh Vĩnh Long;
- d) Phòng Công chứng số 2;
- đ) Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản.

IV. Dự kiến vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo ngạch, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

Số TT	Phòng, đơn vị thuộc Sở	Tổng biên chế giao năm 2025	Tổng số công chức, viên chức thực hiện				Số CC, VC hiện có theo cơ cấu ngạch/Chức danh nghề nghiệp				
			Tổng CC/VC có mặt đến ngày 30/4/2025	Trưởng phòng và tương đương	Phó trưởng phòng và tương đương	Chuyên viên và tương đương	CVCC hoặc tương đương	CVC hoặc tương đương	CV hoặc tương đương	Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương
I. Lãnh đạo Sở		10	8				4	4			
1	Giám đốc	1	3				3				
2	Phó Giám đốc	9	5				1	4			
II. Các Tổ chức tham mưu, chuyên môn, nghiệp vụ		79	67	4	16	47		29	38		
1	Văn phòng	18	15	1	3	11		7	8		
2	Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	25	22	1	7	14		11	11		
3	Phòng Phổ biến và Theo dõi thi hành pháp luật	18	15	1	3	11		4	11		
4	Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp	18	15	1	3	11		7	8		
III. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở		87	68	4	9	55		4	63	1	
1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 tỉnh Vĩnh Long (phụ trách địa bàn tỉnh Vĩnh Long trước khi sáp nhập)	15	13	-	2	11			13		

2	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 2 tỉnh Vĩnh Long (phụ trách địa bàn tỉnh Bến Tre trước khi sáp nhập)	24	23	1	2	20			23		
3	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 3 tỉnh Vĩnh Long (phụ trách địa bàn tỉnh Trà Vinh trước khi sáp nhập)	18	18	1	2	15		1	16	1	
4	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Vĩnh Long	25	10	2	2	6		3	7		
5	Phòng Công chứng số 2	5	4	-	1	3			4		

V. Về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh tiến hành tổ chức thực hiện đánh giá công tác tài chính; rà soát, thống kê tài sản và đất đai theo đúng các quy định hiện hành để làm cơ sở cho công tác bàn giao trước khi thực hiện sáp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị.

Trên cơ sở số lượng cán bộ, công chức, người lao động hiện có; hiện trạng trụ sở làm việc đã được cấp có thẩm quyền bàn giao để bố trí sử dụng các trụ sở làm việc cho Sở Tư pháp. Đối với các cơ quan cũ, xuống cấp, sẽ tiến hành khảo sát, đề nghị cấp có thẩm quyền sửa chữa kịp thời để đảm bảo điều kiện làm việc.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, ĐẤT ĐAI VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

I. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Các Tổ chức chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở

1.1. Thành lập **Văn phòng** trên cơ sở hợp nhất nhiệm vụ và biên chế thuộc Văn phòng Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, Văn phòng Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long và Văn phòng Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh.

1.2. Thành lập **Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật** trên cơ sở hợp nhất nhiệm vụ và biên chế thực hiện công tác Xây dựng, Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Phòng Nghiệp vụ 1 thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật thuộc Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long, Phòng Văn bản, Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật thuộc Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh.

1.3. Thành lập **Phòng Phổ biến và Theo dõi thi hành pháp luật** trên cơ sở hợp nhất nhiệm vụ và biên chế thực hiện công tác Phổ biến giáo dục pháp luật, quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật thuộc Phòng Nghiệp vụ 1, 2 thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, Văn phòng, Phòng Xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật thuộc Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long, Phòng Văn bản, phổ biến và thi hành pháp luật, Phòng Văn bản, Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật thuộc Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh.

1.4. Thành lập **Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp** trên cơ sở hợp nhất nhiệm vụ và biên chế thực hiện nhiệm vụ Hành chính tư pháp, Hỗ trợ tư pháp thuộc Phòng Nghiệp vụ 2 Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long, Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp tỉnh Trà Vinh.

1.5. Chuyên Thanh tra Sở và 08 biên chế (trong đó tỉnh Bến Tre: 03 biên chế; tỉnh Trà Vinh: 04 biên chế; tỉnh Vĩnh Long: 01 biên chế) về Thanh tra tỉnh Bến Tre, Thanh tra tỉnh Trà Vinh và Thanh tra tỉnh Vĩnh Long theo quy định. Thời hạn tháng 6, 7/2025.

2. Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở

2.1. Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước

Tiếp tục duy trì 03 Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Trà Vinh như trước khi sáp nhập tỉnh, mỗi Trung tâm được giao phụ trách địa bàn cụ thể trong phạm vi tỉnh theo Công văn số 1866/BTP-PLSHC ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tư pháp.

2.2. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản

Thành lập Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất 02 Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản nước trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long phù hợp với Công văn số 3395/BTP-TCCB ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; đảm bảo cơ cấu tổ chức bộ máy tinh gọn, giám đầu mỗi bên trong; có sự phân công đấu giá viên phụ trách địa bàn tỉnh Bến Tre, Trà Vinh trước khi sáp nhập.

2.3. Phòng công chứng số 2

Giữ nguyên cơ cấu tổ chức và hoạt động như hiện nay của Phòng Công chứng số 2 để thực hiện cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản cho người dân theo quy định.

II. PHƯƠNG ÁN VỀ XỬ LÝ NHÂN SỰ

1. Phương án về nhân sự

Thực hiện chuyển 100% công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp 03 tỉnh hiện có để bố trí vào các phòng, đơn vị tương ứng sau sắp xếp (trừ các trường hợp xin chuyển công tác, nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác theo nguyện vọng). Thực hiện việc rà soát, sắp xếp, gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo lộ trình; bảo đảm trong thời hạn 5 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định.

2. Đối với nhân sự cấp trưởng các Tổ chức chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp:

Lựa chọn nhân sự cấp trưởng theo nguyên tắc:

- Xét từ cao xuống thấp, cụ thể: (i) Giữ các chức vụ trong Đảng; (ii) Người có quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý cấp cao hơn; (iii) Kinh nghiệm công tác đối với vị trí công tác đang được phân công; (iv) Người được đào tạo bài bản và kỹ năng công tác lãnh đạo, quản lý tốt;

- Căn cứ vào trình độ chuyên môn, năng lực, sở trường, uy tín, kinh nghiệm công tác, có sản phẩm được ghi nhận bằng thành tích nổi trội và kết quả đánh giá công chức hàng năm và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mới có đảm bảo tính kế thừa và phát triển;

- Người không nằm trong diện đang xem xét kỷ luật, kiểm điểm hoặc đang trong thời gian kỷ luật.

- Công chức phải chấp hành thực hiện quyết định theo phương án sắp xếp của cấp ủy và lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

- Đối với các nhân sự cấp trưởng phòng dôi dư, bố trí tại các cơ quan, đơn vị chưa có cấp trưởng khác phù hợp năng lực, trình độ, kinh nghiệm quản lý.

- Trường hợp không bố trí được cấp trưởng thì bố trí ở vị trí cấp phó sau khi sắp xếp được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy.

3. Đối với nhân sự cấp phó tại các tổ chức chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp

- Cộng cơ học, không giới hạn bình quân số lượng cấp phó tại các tổ chức chuyên môn nghiệp vụ thuộc sở thuộc diện hợp nhất, giảm số lượng cấp phó theo lộ trình 5 năm đảm bảo theo đúng quy định của Chính phủ và cấp có thẩm quyền.

- Bố trí vị trí khác có chức vụ thấp hơn chức danh hiện giữ nhưng vẫn bảo lưu phụ cấp theo các quy định hiện hành.

- Không bổ nhiệm mới cấp phó tại các đơn vị thuộc diện hợp nhất, tổ chức lại do sắp xếp, hợp nhất, tổ chức lại cho đến khi số lượng cấp phó của các đơn vị này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

4. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp mà có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc rà soát, đánh giá và thực hiện chính sách, chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ; bảo đảm giữ được người có năng lực nổi trội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Thực hiện giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ đối với cá nhân tự nguyện xin giải quyết chính sách theo quy định.

- Riêng đối với HĐLĐ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, sẽ tiếp tục hợp đồng lao động với Nhân viên Lái xe, Nhân viên tạp vụ. Riêng với Nhân viên bảo vệ, do trụ sở Sở Tư pháp nằm chung trong khuôn viên trụ sở thuộc UBND tỉnh, đã bố trí cảnh vệ bảo vệ.

- Trên cơ sở Đề án, các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư đúng theo quy định pháp luật (nếu có). Thời gian thực hiện dự kiến từ năm 2025 đến năm 2030.

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được bố trí công tác ở đơn vị mới thì tiếp tục được hưởng lương theo ngạch, bậc và các chế độ phụ cấp lương hiện hưởng theo quy định.

III. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TÀI CHÍNH

Sở Tư pháp 03 tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh chủ động phối hợp tiến hành tổ chức thực hiện đánh giá công tác tài chính; rà soát, thống kê tài sản và đất đai theo đúng các quy định hiện hành để làm cơ sở cho công tác bàn giao trước khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị.

IV. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TÀI SẢN

1. Phương án sắp xếp trụ sở làm việc

Đối với trụ sở làm việc của Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở dôi dư sau khi đã bố trí, sắp xếp được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định hiện hành.

2. Phương án xử lý xe ô tô

Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung của các đơn vị sau khi sắp xếp lập thủ tục tiếp nhận và quản lý, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định hiện hành.

3. Phương án bố trí máy móc, thiết bị và tài sản khác

a) Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng thì xử lý theo nguyên tắc cơ quan, tổ chức, đơn vị nào được tiếp nhận nhiệm vụ có sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thì được tiếp nhận tài sản tương ứng để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

b) Đối với máy móc, thiết bị phổ biến, máy móc, thiết bị dùng chung và các tài sản khác thì ưu tiên tận dụng các tài sản còn khả năng sử dụng và chuyển đến địa điểm làm việc mới của đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức để tiếp tục sử dụng, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ sau sắp xếp, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị; hạn chế tối đa việc phải mua sắm mới tài sản.

c) Trường hợp còn dôi dư thì thực hiện điều hòa giữa các đơn vị hoặc xử lý theo quy định.

d) Cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục sử dụng trang, thiết bị làm việc hiện có. Trường hợp trang, thiết bị cũ, hỏng hóc giao thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tự rà soát theo tiêu chuẩn để bố trí trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo trang thiết bị làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Thủ trưởng đơn vị quán triệt đến cán bộ, công chức, người lao động kế hoạch hoạt động của cơ quan nơi làm việc mới, có kế hoạch khảo sát, vận chuyển hồ sơ, trang thiết bị, máy móc văn phòng còn sử dụng được tại trụ sở cũ đến lắp đặt tại trụ sở mới để phục vụ công tác chuyên môn với thời gian nhanh nhất; đảm bảo công việc được xử lý liên tục, thông suốt, không làm ảnh hưởng, gián đoạn đến việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan. Việc thực hiện phải đảm bảo an toàn, nhanh chóng, tiết kiệm, khoa học, huy động tối đa nhân lực cơ quan để thực hiện.

e) Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo bộ phận chuyên môn lập danh mục, phân loại hồ sơ tài liệu, tài sản trang thiết bị để đảm bảo quản lý vận chuyển an toàn, không làm thất thoát, hư hỏng. Thực hiện quản lý theo dõi sổ sách kế toán để đối chiếu, cập nhật vào cơ quan mới.

g) Thống kê những tài sản, thiết bị còn thiếu đề nghị trang bị theo tiêu chuẩn, định mức.

h) Tận dụng nguồn nhân lực của đơn vị hoặc thuê phương tiện vận chuyển chuyên nghiệp để thực hiện tháo dỡ, lắp đặt.

V. PHƯƠNG ÁN VỀ XỬ LÝ ĐẤT ĐAI

Đất đai và tài sản gắn liền với đất của Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh sẽ bàn giao Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long mới quản lý theo quy định của pháp luật sau khi chấm dứt hoạt động (*trừ trường hợp có duy trì biên chế tại nơi cũ*).

VI. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

1. Phương án bố trí nhà ở công vụ

Đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí cho Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long mới được sử dụng nhà công vụ, nhà lưu trú cho công chức, viên chức, người lao động của 02 tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh có nhu cầu và hỗ trợ chi phí lưu trú (*đối với cá nhân không ở nhà lưu trú*) để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị, đảm bảo sức khỏe, điều kiện ăn ở, sinh hoạt.

2. Phương án bố trí phương tiện đi lại từ tỉnh Bến Tre, Trà Vinh đến tỉnh Vĩnh Long

- Đối với công chức, viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, chức danh theo quy định: Bố trí xe đưa đón từ nhà đến trụ sở làm việc (đi Thứ hai về Thứ sáu).

- Đối với công chức, viên chức, người lao động còn lại, đề nghị Sở Tài chính bố trí phương tiện đưa đón chung từ tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh đến nơi lưu trú tại Vĩnh Long (*đi Thứ hai về Thứ sáu*) và hỗ trợ chi phí đi lại từ Bến Tre, Trà Vinh đến nơi làm việc (*đối với cá nhân tự túc phương tiện đi lại*).

Phần thứ tư

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP TỔ CHỨC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Sau khi rà soát cơ sở pháp lý, phạm vi, đối tượng quản lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan hành chính khác. Đồng thời, việc sắp xếp

tinh gọn tổ chức bộ máy trên cơ sở hợp nhất Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Trà Vinh gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng công chức, viên chức có số lượng và cơ cấu hợp lý, đảm bảo tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, nâng cao chất lượng công chức, viên chức, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với các chủ trương, định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đạt tỷ lệ 36,36%.

Do đó, Đề án thành lập Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long mới bảo đảm đúng các điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định hiện hành.

Phần thứ năm

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC SỞ VÀ CÁC CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP SỞ TƯ PHÁP TỈNH VĨNH LONG VÀ THỜI HẠN XỬ LÝ

I. TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC SỞ, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP SỞ TƯ PHÁP

1. Trách nhiệm của Giám đốc Sở

- Phối hợp xây dựng dự thảo Đề án lấy ý kiến cán bộ chủ chốt của 03 Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Trà Vinh và các cơ quan có liên quan, tổng hợp ý kiến góp ý, hoàn thiện Đề án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét (thông qua Sở Nội vụ thẩm định) trình Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua chủ trương.

- Với vai trò là người đứng đầu cấp ủy cơ quan phải chịu trách nhiệm chính trong việc nhận xét, đánh giá công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý. Việc sắp xếp, bố trí công chức, viên chức và người lao động phải được thực hiện nghiêm túc, thận trọng, khoa học, chặt chẽ; bảo đảm dân chủ, công tâm, khách quan, có tiêu chí cụ thể, phải xem xét cả quá trình công tác, cống hiến của công chức, viên chức và người lao động; vì yêu cầu công tác để bố trí công chức, viên chức, người lao động đảm nhiệm cho phù hợp nhằm phát huy tối đa năng lực, sở trường công tác của công chức, viên chức và người lao động.

- Sau khi Đề án được phê duyệt chỉ đạo các tổ chức chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở xây dựng và hoàn thành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở, của các đơn vị và Đề án vị trí việc làm theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh theo hướng: Kiện toàn, tiếp tục duy trì Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản như trước khi sáp nhập tỉnh theo Công văn số 1866/BTP-PLSHC ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tư pháp.

2. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Sở

- Triển khai thực hiện Đề án thành lập Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long mới sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị tổng hợp gửi báo cáo về Giám đốc Sở (qua Văn phòng) để báo cáo trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

Trên cơ sở Đề án này và quy định của pháp luật có liên quan; căn cứ tình hình đặc điểm tình hình của đơn vị và chức năng, nhiệm vụ và tổng số lượng người làm việc được giao theo quy định, khẩn trương xây dựng và hoàn chỉnh Đề án thành lập, duy trì, tổ chức lại đơn vị theo quy định của pháp luật để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định, đúng tiến độ.

3. Trách nhiệm của Văn phòng Sở

- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

- Tổng hợp khó khăn, vướng mắc (nếu có), báo cáo Giám đốc Sở trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Đề án theo quy định.

II. THỜI HẠN XỬ LÝ

Hoàn thành việc kiện toàn bộ máy, nhân sự, chức năng nhiệm vụ, cơ sở vật chất và các nội dung có liên quan theo đúng quy định.

Phần thứ sáu

KIẾN NGHỊ CỦA CƠ QUAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét ban hành cơ chế chính sách, hỗ trợ phương tiện định kỳ hàng tuần đưa rước công chức, viên chức và người lao động có nhu cầu di chuyển từ tỉnh Trà Vinh, tỉnh Bến Tre đến nơi làm việc mới; nhà công vụ, nhà lưu trú; hỗ trợ chi phí thuê nhà do không bố trí được ở nhà công vụ, chi phí đi lại (đối với cá nhân tự túc phương tiện đi lại) để tạo điều kiện cho công

chức, viên chức, người lao động ổn định, yên tâm công tác, không làm xáo trộn quá nhiều về cuộc sống;

2. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện giải quyết chế độ chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động thôi việc, có nguyện vọng xin nghỉ hưu trước tuổi theo quy định.

Phần thứ bảy

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

Sau khi Đề án thành lập Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện, cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp sẽ tinh gọn, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tư pháp.

Đề án khi được triển khai sẽ thực hiện đồng bộ tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, có biên chế hợp lý. Việc xây dựng, thực hiện đề án góp phần đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ công chức, viên chức, giảm chi thường xuyên sẽ nhận được sự đồng tình, ủng hộ của dư luận xã hội, tạo hiệu ứng xã hội tốt.

Việc thành lập Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long làm căn cứ tạo sự liên thông, cải cách thủ tục, thời gian, quy trình trong xây dựng, hoạch định chính sách và tổ chức thực thi các nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc phạm vi của Sở.

Trên đây là Đề án thành lập Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất 03 Sở Tư pháp: tỉnh Trà Vinh, tỉnh Bến Tre và tỉnh Vĩnh Long./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Trưởng, phó các đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP, HSTC.

Hồ Thanh Tuấn

